

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 2797/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Bà **Dương Thị Ngọc D**, sinh năm 1982.

2. Ông **Lê Xuân H**, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Ngọc D và ông Lê Xuân H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà D và ông H có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Q, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2007. Khi ly hôn, bà D và ông H thống nhất thỏa thuận giao cháu Q cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: bà D và ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: bà D và ông H xác định không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: bà D và ông H nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Ngọc D và ông Lê Xuân H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Q, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2007. Khi ly hôn, giao cháu Q cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà D không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà D và ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: bà D và ông H xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Dương Thị Ngọc D và ông Lê Xuân H nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004477 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà D và ông H đã nộp xong.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Nơi ĐKKH (UBND P. D - Giấy CNKH số 64/2007);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Vũ Bảo**